

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 6 – 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ba Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 316/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mã Thiên L, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 18, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 01, ấp PT1, xã PH1, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Mã Thiên L vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Ngô Văn Đ vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Mã Thiên L; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Đ tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang (theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 103, ngày 17/7/2017). Quá trình chung sống, bà L và ông Đ chung sống với nhau không hạnh

phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông Đ hay mượn nợ, nhiều lần chủ nợ đã điện thoại cho gia đình bà L đòi nợ, khi hỏi thì ông Đ thừa nhận nợ nhưng không nói rõ nguyên nhân. Bà L vẫn đứng thay ông Đ trả nợ và khuyên nhủ ông Đ chí thú làm ăn. Sau này ông Đ làm lơ xe, nhưng vẫn mượn nợ và chủ nợ thường xuyên gọi điện cho gia đình, bên cạnh đó, ông Đ cũng không chung thủy trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên ăn nhậu. Gia đình bà L cũng nhiều lần động viên khuyên nhủ nhưng ông Đ vẫn không thay đổi, gia đình ông Đ cũng không khuyên nhủ, không động viên ông Đ. Do đó, bà L và ông Đ đã sống ly thân nhau khoảng 02 tháng nay, ông Đ cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Đ sớm ly hôn nhau.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông Đ sinh được 01 (một) con chung tên Ngô Thiên K, sinh ngày 03/6/2019. Hiện tại, cháu K đang được bà L nuôi dạy. Bà L yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/4/2021 nhưng ông Đ vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ, ông Đ cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 22/4/2021, bà L có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc nên rất khó xin nghỉ để về vì sẽ ảnh hưởng thu nhập.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà L giao nộp: Bản chính bản tự khai ngày 26/3/2021; Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 17/7/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang; Bản sao Trích lục khai sinh số 530/TLKS-BS ngày 06/6/2019 tại Ủy ban xã Phú Hội mang tên Ngô Thiên K, sinh ngày 03/6/2019; Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ mang tên Ngô Văn Th; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Mã Thiên L.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh tại Ban ấp Phú Thuận, xã Phú Hội, huyện An Phú có sự xác nhận của Công an xã Phú Hội; biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị T ngày 22/4/2021.

Tại phiên tòa, do bà L và ông Đ cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà L, biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị T, biên bản xác minh tại Ban ấp Phú Thuận, xã Phú Hội, huyện An Phú và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 22/4/2021, bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T là mẹ ruột của bà Mã Thiên L. Bà Mã Thiên L và ông Ngô Văn Đ

tự tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Quá trình chung sống, bà L và ông Đ chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông Đ hay mượn nợ, nhiều lần chủ nợ điện thoại cho gia đình T đòi nợ, khi hỏi thì ông Đ thừa nhận nợ nhưng không nói rõ nguyên nhân. Bà L vẫn đứng thay ông Đ trả nợ và khuyên nhủ ông Đ chí thú làm ăn. Sau này ông Đ làm lơ xe, nhưng vẫn mượn nợ và chủ nợ thường xuyên gọi điện cho gia đình, bên cạnh đó, ông Đ cũng không chung thủy trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên ăn nhậu. Gia đình bà T cũng nhiều lần động viên khuyên nhủ ông Đ nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Do đó, cả 02 đã sống ly thân nhau khoảng 02 tháng nay, ông Đ cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm, gia đình ông Đ cũng không khuyên nhủ, không động viên bà L và ông Đ đoàn tụ vợ chồng. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho bà L và ông Đ ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông Đ sinh được 01(một) con chung tên Ngô Thiên K, sinh ngày 03/6/2019. Hiện tại, cháu K đang được bà L nuôi. Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ. Do nhà xa, sức khỏe yếu nên bà T yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản xác minh tại Ban ấp Phú Thuận, xã Phú Hội, huyện An Phú có sự xác nhận của Công an xã Phú Hội thì ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1994 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 01, ấp PT1, xã PH1, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông Đ đi làm ăn xa nhưng vẫn trở về địa phương sinh sống.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Ngô Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không L do; bà Mã Thiên L có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà T đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà L và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của bà L về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con chung, ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Ngô Văn Đ đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông Đ đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Mã Thiên L có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Nguyễn Thị Thủy có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Mã Thiên L và ông Ngô Văn Đ hình thành do tự tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang (theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 103, ngày 17/7/2017). Ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 01, ấp PT1, xã PH1, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L cho rằng trong quá trình chung sống, bà và ông Đ chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Ông Đ hay mượn nợ không rõ nguyên nhân, nhiều lần chủ nợ đã điện thoại cho gia đình bà đòi nợ, khi hỏi thì ông Đ thừa nhận nợ nhưng không nói rõ nguyên nhân. Bên cạnh đó, ông Đ cũng không chung thủy trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên ăn nhậu. Bà L và gia đình đã động viên, khuyên nhủ ông Đ nhưng ông Đ vẫn không thay đổi, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm. Bà L và ông Đ đã sống ly thân nhau hơn 02 tháng nay, không hàn gắn tình cảm.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà L và ông Đ lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc hai người bất đồng quan điểm sống, ông Đ không chung thủy trong cuộc sống hôn nhân, bà L và ông Đ đã sống ly thân nhau hơn 02 tháng nay, không hàn gắn tình cảm đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông Đ đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông Đ sinh được 01 (một) con chung tên Ngô Thiên K, sinh ngày 03/6/2019. Hiện tại, cháu Kim đang được bà L nuôi dạy. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Do cháu K hiện nay dưới 36 tháng tuổi, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà L được trực tiếp nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Đ cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà L. Ngược lại, bà L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Theo quy định của pháp luật bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của bà L.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu sau này ông Đ có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà L và ông Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mã Thiên L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mã Thiên L được ly hôn với ông Ngô Văn Đ.

2. Về con chung: Bà Mã Thiên L được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Ngô Thiên K, sinh ngày 03/6/2019. Ông Ngô Văn Đ không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Ngô Văn Đ cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Mã Thiên L. Ngược lại, bà Mã Thiên L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Ngô Văn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Mã Thiên L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0007056 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông Ngô Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Mã Thiên L và ông Ngô Văn Đ. Bà L và ông Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 17/7/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Mã Thiên L và ông Ngô Văn Đ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Phú Hội (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn